**CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM**

**QUỸ ETF DCVFMVN DIAMOND**

***Mẫu số B06 - ETF***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**Quý II năm 2022**

1. **Đặc điểm hoạt động của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND**
	1. **Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ Quỹ**

Số 38/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/02/2020.

* 1. **Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ**

Số 43/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/04/2020, số 13/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/05/2021 (điều chỉnh tên), không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

* 1. **Địa chỉ liên hệ của Quỹ**

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, số 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP.HCM.

* 1. **Điều lệ hoạt động Quỹ ETF ban hành ngày 27/04/2021**
	2. **Những đặc điểm chính về hoạt động Quỹ**

*Quy mô vốn Quỹ:* Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ là một trăm lẻ hai (102) tỷ Đồng Việt Nam và tương ứng với 102 (một trăm lẻ hai) lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10,000) Đồng.

*Tính chất của Quỹ:* Là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND và ngược lại.

*Mục tiêu của Quỹ:* Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VN DIAMOND. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

*Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV):* Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

*Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ:* Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày.

*Hạn chế đầu tư của Quỹ:* Danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ này và Bản cáo bạch.

*Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và đảm bảo:*

1. Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành;
2. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại tại điểm b khoản 4 Điều 9 Điều lệ Quỹ;
3. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
4. Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
5. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
6. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

*Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm (a), (b), (c) và (d) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:*

1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
2. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành;
3. Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
4. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
5. Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy của Điều lệ quỹ và pháp luật;
6. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
7. **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
	1. **Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

* 1. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
	1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng Chế độ kế toán Quỹ ETF ban hành theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

* 1. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (“Thông tư 198”) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

* 1. **Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung.

1. **Các chính sách kế toán áp dụng**
2. **Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

1. **Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại (iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

1. ***Phân loại***

Các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh được phân loại là chứng khoán kinh doanh.

1. ***Ghi nhận ban đầu***

Danh mục chứng khoán mà Quỹ thực hiện đầu tư được ghi nhận tại ngày giao dịch.

Danh mục chứng khoán cơ cấu được hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

1. ***Xác định giá trị***

Theo thông tư 98/2020/TT-BTC, danh mục đầu tư của Quỹ xác định giá trị theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường) tại ngày báo cáo tình hình tài chính. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại điều lệ Quỹ, hoặc sổ tay định giá của Quỹ hoặc sau khi đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày của báo cáo tình hình tài chính theo Điều lệ Quỹ như sau:

**Trái phiếu**

* *Trái phiếu niêm yết*

Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Giá trái phiếu thực hiện theo giá mua cộng lãi lũy kế trong các trường hợp sau:

* Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc
* Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán với giá có nhiều biến động bất thường. Quy định về biến động bất thường như sau: (i) giá yết (giá sạch) tính theo phương pháp bình quân gia quyền có biến động quá 1,0% so với giá mua đối với trái phiếu chính phủ niêm yết; (ii) giá yết (giá sạch) tính theo phương pháp bình quân gia quyền có biến động quá 0,5% so với giá mua đối với trái phiếu doanh nghiệp.
* *Trái phiếu không niêm yết*

Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống sử dụng một trong các mức giá sau:

* Giá trung bình của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế;
* Sử dụng phương pháp Giá mua cộng lãi lũy kế.
* *Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi*

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

* *Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

**Cổ phiếu**

* *Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM:*
* Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán, của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trước ngày định giá;
* Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
* Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất của cổ phiếu đó trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; hoặc
* Giá mua; hoặc
* Giá trị sổ sách; hoặc
* Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
* Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
* Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng trong quá trình làm thủ tục niêm yết.
* *Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản*
* Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:
* 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất trước ngày định giá; hoặc
* Giá x*ác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.*
* *Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)*
* Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá (của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
* Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:
* Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt
* Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
* Giá mua;
* Giá trị sổ sách;
* Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.

**Chứng khoán phái sinh**

* *Chứng khoán phái sinh niêm yết*
* Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
* Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
* *Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng mười lăm (15) ngày trở lên được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.*

**Cổ phiếu thưởng và cổ tức bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Quyền mua cổ phiếu**

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không và được đánh giá lại theo giá trị được xác định là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày định giá và giá thực hiện quyền nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các tài sản được phép đầu tư khác**

Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá trị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp, hoặc theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận.

1. ***Chấm dứt ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán được dừng ghi nhận khi quyền được nhận dòng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

1. ***Ghi nhận giá vốn***

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá vốn của chứng khoán phái sinh được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

1. **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, phải thu từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải thu từ đơn vị đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải thu khác liên quan đến hoạt động của Quỹ. Các khoản phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra.

1. **Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả dịch vụ quản lý quỹ, phải trả từ việc quyết toán với nhà đầu tư khi Quỹ mua/bán hộ các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư hoặc nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật, các khoản phải trả cho nhà đầu tư trong trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh liên quan đến danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi do việc ghi nhận sở hữu chưa được thực hiện giữa Quỹ và nhà đầu tư hoặc liên quan đến chứng khoán bị hạn chế đang trong quá trình mua/bán hộ nhà đầu tư và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

1. **Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

1. **Thuế**

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) theo hướng dẫn của Công văn số 2331/TCT-CS ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Tổng Cục Thuế ban hành (“Công văn 2331”), Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành.

Các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh. Các tổ chức nước ngoài nếu có giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ phải nộp thuế theo hướng dẫn tại Công văn 2331, và quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và sẽ bị Công ty Quản lý Quỹ khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay theo quy định của pháp luật.

Các nội dung trên là dựa theo quy định tại các Luật về thuế Thu nhập Cá nhân, thuế Thu nhập Doanh nghiệp, thuế Giá trị Gia tăng và Quản lý thuế, được hướng dẫn chi tiết trong các Nghị định và Thông tư liên quan và được trích dẫn cụ thể như trên cũng như hướng dẫn riêng của Tổng Cục thuế tại Công văn 2331 gửi đến Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Hà Nội để hướng dẫn về chính sách thuế đối với Quỹ hoán đổi danh mục. Các nội dung trên có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

1. **Vốn góp và thặng dư vốn**
2. ***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành là khoản vốn góp từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu và có thể phát sinh khoản bổ sung bằng tiền trong các trường hợp sau:

* phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ tại ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1);
* những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành;
* chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn phát sinh sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm).

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của Quỹ đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

1. ***Vốn góp mua lại***

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu và khoản thanh toán bằng tiền (nếu có) lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ nhất kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với các danh mục chứng khoán cơ cấu.

1. ***Thặng dư vốn góp của nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp là khoản chênh lệch giữa giá phát hành/giá hoán đổi lại của một chứng chỉ quỹ với mệnh giá của một chứng chỉ quỹ được phát hành/hoán đổi lại và được ghi nhận cùng thời điểm với ghi nhận vốn góp phát hành/vốn góp hoán đổi lại.

1. ***Phân phối thu nhập của Quỹ***

Lợi nhuận chưa phân phối là số lãi hoặc lỗ từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ báo cáo.

1. **Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng tương đối chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các điều kiện cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

1. ***Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức***

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

1. ***Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán***

Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi Quỹ nhận được thông báo kết quả giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ, kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

1. **Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh.

1. **Giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên mỗi lô chứng chỉ quỹ**

Tất cả các chứng chỉ quỹ phát hành cho nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà Đầu tư của Quỹ.

Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10,000 VND, một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100,000 chứng chỉ quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu của mỗi giao dịch hoán đổi là một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với một trăm nghìn (100,000) chứng chỉ quỹ.

Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và làm tròn xuống lấy đến (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

1. **Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

1. **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Khi xem xét mối quan hệ giữa các bên liên quan cần chú ý tới bản chất mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý

1. **Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

1. **Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán**
2. **Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **30/06/2022****(VND)** | **31/03/2022****(VND)** |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ ETF tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 260,534,186,440 | 167,673,368,976 |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ | - | 328,857,200  |
| Tiền gửi ký quỹ cho hoạt động đầu tư chứng khoán phái sinh |  -  |  -  |
| Tương đương tiền |  -  |  -  |
| **Tổng cộng** | **260,534,186,440** | **168,002,226,176** |

1. **Các khoản đầu tư**

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị hợp lý các khoản đầu tư của Quỹ ETF

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản đầu tư** | **Giá mua**(VND) | **Giá trị thị trường**(VND) | **Chênh lệch đánh giá kỳ này** | **Giá trị đánh giá lại**(VND) |
| **Chênh lệch tăng**(VND) | **Chênh lệch giảm**(VND) |
| Cổ phiếu | 15,882,561,465,957 | 18,577,657,680,600 | 3,190,178,521,101 | 495,082,306,458 | 2,695,096,214,643 |
| **Tổng cộng** | **15,882,561,465,957** | **18,577,657,680,600** | **3,190,178,521,101** | **495,082,306,458** | **2,695,096,214,643** |

1. **Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF**
2. **Giá dịch vụ quản lý Quỹ**

Giá dịch vụ này được trả cho Công ty quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM) để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND. Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0.8% NAV trước phí/năm.

1. **Giá dịch vụ lưu ký, dịch vụ giám sát quỹ, dịch vụ quản trị quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dịch vụ** | **Biều phí** |
| Giám sát | 0.06% NAV/năm nếu NAV dưới 600 tỷ đồng;0.05% NAV/năm nếu NAV từ 600 tỷ dưới 1000 tỷ đồng;0.04% NAV/năm nếu NAV từ 1000 tỷ đồng trở lên;(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có). |
| Lưu ký | 0.02 % NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có). |
| Quản trị Quỹ | 0.03% NAV/năm nếu NAV dưới 1000 tỷ đồng;0.02% NAV/năm nếu NAV từ 1000 tỷ đồng trở lên;(chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có). |

Các giá dịch vụ trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

1. **Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dịch vụ** | **Biểu phí** |
| Cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường | 0.05% NAV/năm (chưa bao gồm thuế GTGT) |

1. **Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Đơn vị** | **31/03/2022** | **Phát sinh trong kỳ** | **30/06/2022** |
| **Vốn góp phát hành** |  |  |  |  |
| Số lượng CCQ (1) | CCQ |  705,600,000  |  192,800,000  |  898,400,000  |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (2) | VND | 7,056,000,000,000  | 1,928,000,000,000  | 8,984,000,000,000  |
| Thặng dư vốn góp phát hành (3) | VND |  5,916,315,092,608  | 3,424,363,342,634 | 9,340,678,435,242 |
| Tổng giá trị phát hành CCQ (4)=(2)+(3) | VND | 12,972,315,092,608  | 5,352,363,342,634 | 18,324,678,435,242 |
| **Vốn góp hoán đổi lại** |  |  |  |  |
| Số lượng CCQ (5) | CCQ | (187,900,000)  | (18,800,000)  | (206,700,000)  |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (6) | VND | (1,879,000,000,000) | (188,000,000,000) | (2,067,000,000,000) |
| Thặng dư vốn góp hoán đổi lại (7) | VND | (2,839,413,543,597) | (333,401,292,668) | (3,172,814,836,265) |
| Tổng giá trị hoán đổi lại CCQ (8)=(6)+(7) | VND | (4,718,413,543,597) | (521,401,292,668) | (5,239,814,836,265) |
| Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (9)=(1)+(5) | CCQ | 517,700,000  |  174,000,000  | 691,700,000  |
| Giá trị vốn góp hiện hành (10)=(4)+(8) | VND |  8,253,901,549,011 | 4,830,962,049,966 |  13,084,863,598,977 |
| Lãi/(lỗ) lũy kế (11) | VND | 7,232,108,191,857  | (1,534,936,780,313) | 5,697,171,411,544 |
| NAV hiện hành (12) = (10) + (11) | VND | 15,486,009,740,868  | Không áp dụng | 18,782,035,010,521 |
| NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ (13) = (12)/(9) | VND/CCQ |  29,913.09  | Không áp dụng | 27,153.44 |
| NAV hiện hành/1 lô chứng chỉ quỹ(14) = (12)/[(9)/100.000 CCQ] | VND/ lô CCQ | 2,991,309,588  | Không áp dụng  | 2,715,344,081 |

1. **Lợi nhuận chưa phân phối**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tại ngày 31/03/2022** (VND) | **Phát sinh trong kỳ** (VND) | **Tại ngày 30/06/2022**(VND) |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 7,232,108,191,857  | (1,534,936,780,313) | 5,697,171,411,544 |

1. **Sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo tài chính**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập****Vương Thị Trâm Anh** | **Kế toán trưởng****Phạm Thanh Dũng** | **Giám đốc điều hành****Nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư****Nguyễn Minh Đăng Khánh** |